

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 82/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025)

Tên tổ chức tín dụng

Điện thoại: ...

BÁO CÁO TRẠNG THÁI VÀNG HÀNG NGÀY

(Áp dụng đối với tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng)

Ngày... tháng... năm...

	Chỉ tiêu	Khối lượng (lượng vàng)	Giá trị (triệu VND)
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Số dư vàng đầu ngày		
I.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)	...	
I.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	
II	Doanh số mua trong ngày (vàng miếng/vàng nguyên liệu/cam kết mua vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay)		
II.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)	...	...
II.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	...
III	Doanh số nhập khẩu trong ngày (vàng miếng/vàng nguyên liệu/cam kết nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu)		
III.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)	...	...
III.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	...

IV	Doanh số bán trong ngày (vàng miếng/vàng nguyên liệu/cam kết bán vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay)		
IV.1	Vàng miếng (vàng miếng chi tiết theo từng thương hiệu)	...	...
IV.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	...
V	Doanh số xuất khẩu trong ngày (vàng miếng/cam kết xuất khẩu vàng miếng)		
V.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)	...	...
VI	Khối lượng vàng miếng sản xuất trong ngày		
VI.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng loại vàng miếng)	...	
VI.2	Vàng nguyên liệu (đã sử dụng để sản xuất vàng miếng, từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	
VI.3	Vàng nguyên liệu hao hụt trong quá trình sản xuất	...	
VII.	Số dư vàng cuối ngày		
VII.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu) (VII.1 = I.1 + II.1 + III.1 - IV.1 - V.1 + VI.1)	...	
VII.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên) (VII.2 = I.2 + II.2 + III.2 - IV.2 - VI.2 - VI.3)	...	
VIII	Giá vàng quy đổi trạng thái (VNĐ/lượng)		
VIII.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)		...
VIII.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)		...
IX	Vốn tự có		...
X	Trạng thái vàng cuối ngày so với vốn tự có (%) X = X.1 + X2 	...	
X.1	Vàng miếng [X.1 = (VII.1 * VIII.1) / IX]	...	
X.2	Vàng nguyên liệu [X.2 = (VII.2 * VIII.2) / IX]	...	

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của người đại diện hợp pháp
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng. Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính của tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối). Trường hợp báo cáo bằng phương thức điện tử, tổ chức tín dụng gửi báo cáo tới Ngân hàng Nhà nước thông qua Cục Công nghệ thông tin.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Tổ chức tín dụng gửi báo cáo chậm nhất 14 giờ ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày báo cáo. Ngày báo cáo là ngày xác định trạng thái vàng của tổ chức tín dụng.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- *Doanh số mua, bán vàng miếng, vàng nguyên liệu trong ngày:* bao gồm cả các cam kết mua, bán vàng giao ngay.

- *Doanh số xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu trong ngày:* bao gồm cả các cam kết xuất khẩu, nhập khẩu vàng.

- *Số liệu vàng nguyên liệu (các dòng I.2, II.2, III.2, IV.2, VI.2 và VI.3):* được tính từ số liệu các loại vàng nguyên liệu có hàm lượng từ 99,5% trở lên.

- *Số liệu số dư vàng đầu ngày của ngày báo cáo (dòng I.1 và I.2):* cần thống nhất với số liệu số dư vàng cuối ngày (dòng VII.1 và VII.2) của ngày liền kề trước ngày báo cáo.

- Số liệu của các chỉ tiêu VIII.1, VIII.2 và IX được điền vào cột (4), đơn vị tính là triệu đồng. Các chỉ tiêu này không có số liệu tại cột (3).

- Số liệu của các chỉ tiêu X, X.1 và X.2 có đơn vị tính là %.

- Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.